

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 9 năm 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tư;
2. Bà Nguyễn Thị Vượng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thiện - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/9/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2021/TLST-HNGĐ ngày 02/7/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2021/QĐST-DS ngày 20/8/2021, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim S, S năm 1993.

Địa chỉ: Căn số 306, chung cư Sài Gòn Tell, đường Nguyễn Văn Cừ, phường NQ, thành phố B, tỉnh B.

+ **Bị đơn:** Anh Vũ Công Hiệu, S năm 1989

Địa chỉ: Căn số 502, chung cư Bách Việt, phường Đinh Ké, thành phố B, tỉnh B.

(Các đương sự vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2021, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim S trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Vũ Công Hiệu kết hôn ngày 28/11/2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Đào, huyện L, tỉnh B. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, vợ chồng lấy nhau tự nguyện, không bị ai ép buộc. Khi cưới được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Cuộc sống vợ

chồng ngay sau khi cưới đã không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi nhau từ những chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống thường ngày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung; anh Hiệu ham chơi không quan tâm đến vợ con, làm cho chị luôn trong trạng thái lo lắng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tinh thần. Mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng tới mức không thể hòa giải được. Do vậy vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ khoảng tháng 02/2021 và không còn mối quan hệ gì về tình cảm, kinh tế. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Công Hiệu.

- Về con chung: Chị và anh Hiệu có 01 con chung là Vũ Công Hưng, S ngày 21/7/2017. Hiện nay con chung đang ở với chị, do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Hiệu phải cấp dưỡng nuôi con. Chị hiện nay đang làm hành chính tại trường trung học cơ sở Tân Tiến, thành phố B và có đi làm thêm tại công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Hằng Long, tại địa chỉ: Số 30, Nguyễn Xuân Lan, thị trấn Vôi, huyện L, tỉnh B, thu nhập hàng tháng khoảng 19 triệu đồng. Chị đang ở tại địa chỉ Căn số 306, chung cư Sài Gòn Tell, đường Nguyễn Văn Cừ, phường NQ, thành phố B, tỉnh B, chị có chỗ ở ổn định. Chị khẳng định mình có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh Hiệu không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh Vũ Công Hiệu trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Kim S kết hôn ngày 28/11/2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Đào, huyện L, tỉnh B. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, vợ chồng lấy nhau tự nguyện, không bị ai ép buộc. Khi cưới được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi cưới vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh đã trầm trọng từ tháng 02/2021, anh chị sống ly thân nhau và không còn mối quan hệ về tình cảm, kinh tế. Đến nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh nhất trí ly hôn với chị S.

- Về con chung: Anh và chị S có 01 con chung là Vũ Công Hưng, S ngày 21/7/2017. Sau khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Hưng có lúc ở với anh, có lúc ở nhà chị S tùy theo công việc của hai bên và mong muốn của con. Ly hôn anh có nguyện vọng xin được nuôi con chung, hiện anh đang công tác tại phòng tổ chức cán bộ công an tỉnh B mức thu nhập từ 10.000.000đồng đến 11.000.000đồng trên tháng. Anh có chỗ ở ổn định, anh đảm bảo đủ điều kiện việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Về việc cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh và chị S không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về quan hệ vợ chồng: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Công Hiệu và chị Nguyễn Thị Kim S.

+ Về con chung: Giao con chung Vũ Công Hưng, S ngày 21/7/2017 cho chị Nguyễn Thị Kim S trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết do chị S không yêu cầu.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim S phải chịu án phí theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp:* Chị Nguyễn Thị Kim S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Vũ Công Hiệu. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cụ thể là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền:* Tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố B, tỉnh B nên căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ vợ chồng:* Anh Vũ Công Hiệu và chị Nguyễn Thị Kim S kết hôn ngày 28/11/2014 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Đào, huyện L, tỉnh B, được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Hiệu và chị S đều xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, đến nay đã trở lên trầm trọng và sống ly thân nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh Hiệu, chị S đã trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Hiệu đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị S do vậy Hội đồng xét xử cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với quy định của Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Anh Hiệu, chị S có 01 con chung là Vũ Công Hưng, S ngày 21/7/2017. Anh chị đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy: Anh Hiệu và chị S đều có mức thu nhập, chỗ ở ổn định để nuôi con chung. Tuy nhiên, cháu Hưng còn nhỏ và đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ nên cần giao cháu Hưng cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu Hưng. Sau khi ly hôn, anh Hiệu không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh Hiệu thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không yêu cầu anh Hiệu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu.

[2.3] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Các bên đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Kim S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cần tuyên các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Công Hiệu và chị Nguyễn Thị Kim S.

2.2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Công Hưng, S ngày 21/7/2017 cho chị Nguyễn Thị Kim S trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, anh Vũ Công Hiệu không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh Vũ Công Hiệu thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0002526 ngày 01/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B. Xác nhận chị S đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

2.4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

2.5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKS thành phố B;
- CCTHA dân sự thành phố B
- Các đương sự;
- UBND xã Thái Đào, huyện L, tỉnh B;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường